



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công tiền thân là Công ty Công trình Đô thị thị xã Gò Công được thành lập từ năm 2000 theo Quyết định số 01/2000/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2000 của UBND tỉnh Tiền Giang, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200421913 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2000.

Năm 2009, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thị xã Gò Công, theo Quyết định số 5164/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Tiền Giang do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Năm 2016, theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày ngày 29 tháng 02 năm 2016 và Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty Cổ phần vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 26 tháng 12 năm 2024.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là MTX.

Vốn điều lệ : 6.450.000.000 đồng (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 645.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại : +84 2733 510 070

3. Ngành nghề kinh doanh

Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; *Chi tiết: - Vệ sinh đô thị - Công viên cây xanh - Chiếu sáng công cộng - Thoát nước vỉa hè.* Xây dựng nhà để ở; *Chi tiết: Xây dựng dân dụng.* Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; *Chi tiết: Duy tu và xây dựng các công trình giao thông nhỏ (cầu, đường giao thông nông thôn, các đường nhỏ nội thị dưới 08 tấn).* Chuẩn bị mặt bằng; *Chi tiết: San lấp mặt bằng, nạo vét kênh mương bằng cơ giới.* Lắp đặt hệ thống điện; *Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế, điện chiếu sáng công cộng.* Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; *Chi tiết: Kinh doanh hoa kiểng, cây trồng.* Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.*

4. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

4.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Thái Bình Gia Lâm	Chủ tịch	01/11/2024	-
Ông Võ Thanh Liêm	Thành viên	01/11/2024	-
Ông Nguyễn Hữu Khiết	Thành viên	01/11/2024	-
Bà Võ Thị Kiều Oanh	Chủ tịch	-	01/11/2024
Ông Nguyễn Văn Quốc	Thành viên	-	01/11/2024
Ông Thái Bình Gia Lâm	Thành viên	-	01/11/2024

4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Quốc	Trưởng ban	01/11/2024	-
Ông Trần Thanh Nhân	Thành viên	01/11/2024	-
Ông Võ Đức Độ	Thành viên	01/11/2024	-
Bà Lê Thị Huỳnh Hoa	Trưởng ban	-	01/11/2024
Ông Nguyễn Hữu Khiết	Thành viên	-	01/11/2024
Ông Lê Minh Quân	Thành viên	-	01/11/2024

4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Thanh Liêm	Quyền Giám đốc	01/09/2024	-
Ông Thái Bình Gia Lâm	Phó Giám đốc	-	-
Bà Phan Thị Cẩm Tú	Kế toán trưởng	-	-
Ông Nguyễn Văn Quốc	Giám đốc	-	01/11/2024

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 26 tháng 12 năm 2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến 25 tháng 12 năm 2024 là Ông Nguyễn Văn Quốc – Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 28.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200421913 lần thứ 13 vào ngày 12 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp về việc thay đổi thông tin số điện thoại công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2025.

TM. Hội đồng Quản trị



THÁI BÌNH GIA LÂM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 2234/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 (từ trang 07 đến trang 28) của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2024 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

175
TY
HỮU
À TỰ
VIỆ
C

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phát hành theo báo cáo số 001/11TC/2024/BCKT-VACA đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2817-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

C.T.T.N.H
IAN
IAN
T
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.539.288.162	8.664.701.676
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.324.618.308	2.673.500.133
111	1. Tiền		1.324.618.308	2.673.500.133
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.627.431.974	5.439.828.911
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	7.562.767.821	5.401.270.493
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		24.107.455	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		40.556.698	246.346.418
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(207.788.000)
140	IV. Hàng tồn kho		533.621.047	484.620.158
141	1. Hàng tồn kho	V.3	533.621.047	484.620.158
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		53.616.833	66.752.474
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.4a	53.616.833	42.650.498
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	-	24.101.976
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		7.392.997.729	6.674.822.022
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		7.109.160.947	6.434.152.107
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.5	7.109.160.947	6.434.152.107
222	- Nguyên giá		17.381.297.167	16.384.110.721
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.272.136.220)	(9.949.958.614)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		283.836.782	240.669.915
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.4b	273.420.115	240.669.915
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		10.416.667	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		16.932.285.891	15.339.523.698

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		5.683.012.394	6.381.133.030
310	I. Nợ ngắn hạn		4.028.902.394	5.193.673.030
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.6	908.182.830	495.721.060
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.7	721.466.381	1.388.497.230
314	4. Phải trả người lao động	V.8	1.453.241.030	2.630.742.155
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		6.098.800	37.500.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		-	824.726
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.9	939.913.353	640.387.859
330	II. Nợ dài hạn		1.654.110.000	1.187.460.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.10	1.654.110.000	1.187.460.000
400	D- VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.249.273.497	8.958.390.668
410	I. Vốn chủ sở hữu		11.249.273.497	8.958.390.668
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.11	6.450.000.000	6.450.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		6.450.000.000	6.450.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(58.600.000)	(58.600.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.765.407.751	1.040.182.729
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.092.465.746	1.526.807.939
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.526.807.939	(2.490.608.800)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		1.565.657.807	4.017.416.739
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		16.932.285.891	15.339.523.698

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TÚ ANH

Kế toán trưởng



PHAN THỊ CẨM TÚ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THAI BÌNH GIA LÂM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	25.934.591.151	25.142.146.184
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.934.591.151	25.142.146.184
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	17.139.966.665	17.087.307.253
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.794.624.486	8.054.838.931
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4.686.986	3.729.475
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	129.565.262	192.680.441
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		129.565.262	192.680.441
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	3.295.708.081	2.833.595.897
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.374.038.129	5.032.292.068
31	11. Thu nhập khác	VI.6	79.405.293	84.233.083
32	12. Chi phí khác	VI.7	104.122.093	58.082.371
40	13. Lợi nhuận khác		(24.716.800)	26.150.712
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.349.321.329	5.058.442.780
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	1.376.663.449	1.041.026.041
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.9	(10.416.667)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.983.074.547	4.017.416.739
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	4.739	5.656
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	4.739	5.656

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN THỊ TÚ ANH

PHAN THỊ CẨM TÚ



THAI BÌNH GIA LÂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	VII.3	5.349.321.329	5.058.442.780
	2. Điều chỉnh các khoản		1.379.729.584	1.592.283.619
02	- Khấu hao tài sản cố định	VII.4	1.334.250.419	1.195.544.653
03	- Các khoản dự phòng		(7.788.000)	207.788.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VII.5	(76.298.097)	(3.729.475)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	129.565.262	192.680.441
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.729.050.913	6.650.726.399
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.955.713.087)	(1.338.458.778)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(249.000.889)	(188.957.767)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(925.854.078)	(1.998.656.596)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(43.716.535)	(202.816.202)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(129.565.262)	(192.680.441)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.7	(1.933.060.500)	(369.332.857)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.740.000	18.450.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(640.926.225)	(515.379.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		864.954.337	1.862.893.858
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.009.259.259)	(250.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		71.611.111	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.686.986	3.729.475
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.932.961.162)	(246.270.525)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.6	1.000.000.000	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.7	(533.350.000)	(983.440.000)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VII.8	(747.525.000)	(637.900.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(280.875.000)	(1.621.340.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(1.348.881.825)	(4.716.667)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.673.500.133	2.678.216.800
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.324.618.308	2.673.500.133

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN THỊ TÚ ANH

PHAN THỊ CẨM TÚ

THÁI BÌNH GIA LÂM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Chi tiết: - Vệ sinh đô thị - Công viên cây xanh - Chiếu sáng công cộng - Thoát nước vỉa hè. Xây dựng nhà để ở; Chi tiết: Xây dựng dân dụng. Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Chi tiết: Duy tu và xây dựng các công trình giao thông nhỏ (cầu, đường giao thông nông thôn, các đường nhỏ nội thị dưới 08 tấn). Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng, nạo vét kênh mương bằng cơ giới. Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế, điện chiếu sáng công cộng. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Chi tiết: Kinh doanh hoa kiểng, cây trồng. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 85 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 80 nhân viên).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này là Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công đảm bảo đã tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- + Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- + Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp, được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

C.T.T. N.T.
T. H. M. N. T.
T. H. M. N. T.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho của Công ty là hàng luân chuyển thường xuyên nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa phòng làm việc

Chi phí sửa chữa phòng làm việc phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

▪ Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 43 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm
Phương tiện vận tải	03 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Quỹ lương

Quỹ lương kế hoạch được hình thành theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được trích trên cơ sở theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 04 năm 2024.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: hoạt động công ích

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

31/12/2024
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHÍNH NHẢY
TOÁN
HƯỞNG
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

16. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán đã được trình bày lại một số chỉ tiêu do điều chỉnh một số khoản mục theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Công văn số 282/UBND ngày 27 tháng 05 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Gò Công về việc “Thực hiện kiến nghị kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021” cụ thể như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Số dư Báo cáo cuối năm trước	Số dư đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	8.640.599.700	8.664.701.676	24.101.976
150	Tài sản ngắn hạn khác	2.649.398.157	2.673.500.133	24.101.976
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	24.101.976	24.101.976
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	15.315.421.722	15.339.523.698	24.101.976
300	NỢ PHẢI TRẢ	6.266.422.254	6.381.133.030	114.710.776
310	Nợ ngắn hạn	5.078.962.254	5.193.673.030	114.710.776
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.273.786.454	1.388.497.230	114.710.776
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.048.999.468	8.958.390.668	(90.608.800)
410	Vốn chủ sở hữu	9.048.999.468	8.958.390.668	(90.608.800)
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.617.416.739	1.526.807.939	(90.608.800)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(2.400.000.000)	(2.490.608.800)	(90.608.800)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	15.315.421.722	15.339.523.698	24.101.976

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	356.010.090	114.931.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	968.608.218	2.558.568.171
Cộng	1.324.618.308	2.673.500.133

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.562.767.821</i>	<i>5.401.270.493</i>
Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố Gò Công	5.149.237.208	3.417.620.675
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Gò Công	2.228.226.607	1.686.441.905
Các đối tượng khác	185.304.006	297.207.913
Cộng	7.562.767.821	5.401.270.493

Trong đó, nợ khó đòi tại ngày 31/12/2024 với số tiền là 0 đồng.

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	271.683.447	-	340.620.158	-
Công cụ, dụng cụ	261.937.600	-	144.000.000	-
Cộng	533.621.047	-	484.620.158	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu bao gồm: Đèn đường, cây sao đen,...
⁽²⁾ Công cụ, dụng cụ bao gồm: Thuốc diệt ruồi, vi sinh EnviZyme,...

4. Chi phí trả trước

4a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí bảo hiểm, chi phí tư vấn và chi phí sử dụng đường bộ.
Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.650.498	23.556.665
Tăng trong năm	96.577.000	45.788.273
Phân bổ trong năm	(85.610.665)	(26.694.440)
Số cuối năm	53.616.833	42.650.498

4b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đang sử dụng	119.920.710	49.931.629
Chi phí sửa chữa phòng làm việc	72.439.053	148.027.629
Chi phí khác	81.060.352	42.710.657
Cộng	273.420.115	240.669.915

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	240.669.915	56.947.545
Tăng trong năm	242.011.371	240.649.880
Phân bổ trong năm	(209.261.171)	(56.927.510)
Số cuối năm	273.420.115	240.669.915

5 - C.ẤN
Y
HẠN
TƯ VẤN
IẾT
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	1.293.440.381	1.507.311.304	13.500.058.781	83.300.255	16.384.110.721
2. Tăng trong năm	-	-	2.009.259.259	-	2.009.259.259
- Mua mới	-	-	2.009.259.259	-	2.009.259.259
3. Giảm trong năm	-	-	(1.012.072.813)	-	(1.012.072.813)
- Thanh lý	-	-	(1.012.072.813)	-	(1.012.072.813)
4. Số cuối năm	1.293.440.381	1.507.311.304	14.497.245.227	83.300.255	17.381.297.167
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	170.121.682	1.269.129.486	4.916.488.706	83.300.255	6.439.040.129
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	400.010.162	1.396.266.340	8.070.381.857	83.300.255	9.949.958.614
2. Tăng trong năm	24.817.506	91.196.483	1.218.236.430	-	1.334.250.419
- Khấu hao trong năm	24.817.506	91.196.483	1.218.236.430	-	1.334.250.419
3. Giảm trong năm	-	-	(1.012.072.813)	-	(1.012.072.813)
- Thanh lý	-	-	(1.012.072.813)	-	(1.012.072.813)
4. Số cuối năm	424.827.668	1.487.462.823	8.276.545.474	83.300.255	10.272.136.220
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	893.430.219	111.044.964	5.429.676.924	-	6.434.152.107
2. Tại ngày cuối năm	868.612.713	19.848.481	6.220.699.753	-	7.109.160.947

Trong đó: Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.641.717.800 đồng (xem thuyết minh số V.10).

6. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:

Phải trả các bên liên quan**Phải trả tổ chức và nhà cung cấp khác**

Công ty TNHH MTV Thiết bị điện chiếu sáng Thiện Phát Mercury

Công ty TNHH MTV Cảnh quan Đô thị Trọng Tín

Các nhà cung cấp khác

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm**

-

-

908.182.830

495.721.060

291.587.720

252.895.700

99.210.000

-

517.385.110

242.825.360

908.182.830

495.721.060

Trong đó, không có số dư quá hạn thanh toán tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	553.903.103	-	1.118.320.811	(1.121.293.834)	550.930.080	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	704.031.409	-	1.376.663.449	(1.933.060.500)	147.634.358	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.301.718	-	45.460.765	(39.860.540)	22.901.943	-
Tiền thuê đất	-	24.101.976	82.450.216	(58.348.240)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.261.000	-	93.323.268	(206.584.268)	-	-
Cộng	1.388.497.230	24.101.976	2.716.218.509	(3.359.147.382)	721.466.381	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

8. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	1.453.241.030	2.630.742.155
Cộng	1.453.241.030	2.630.742.155

9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích từ lợi nhuận		Giảm khác	Thu khác	Số cuối năm
		Chi trong năm				
Quỹ khen thưởng	352.568.434	410.960.846	(338.899.280)	-	13.740.000	438.370.000
Quỹ phúc lợi	227.797.013	274.009.198	(93.920.944)	-	60.331.078	468.216.345
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	60.022.412	241.741.674	(208.106.000)	(60.331.078)	-	33.327.008
Cộng	640.387.859	926.711.718	(640.926.224)	(60.331.078)	74.071.078	939.913.353

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính phải trả các tổ chức, cá nhân khác	1.654.110.000	1.654.110.000	1.187.460.000	1.187.460.000
Vay dài hạn ngân hàng	1.654.110.000	1.654.110.000	1.187.460.000	1.187.460.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tiền Giang ^(*)	1.654.110.000	1.654.110.000	1.187.460.000	1.187.460.000
Cộng	1.654.110.000	1.654.110.000	1.187.460.000	1.187.460.000

^(*.1) Khoản vay tại Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 09/VCB-GV/21CD ngày 21/01/2021. Chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng : 1.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng : Vay mua xe tải ép rác phục vụ hoạt động SXKD;
- Thời hạn cấp hạn mức : 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;
- Lãi suất cho vay : Áp dụng lãi suất cho vay trung dài hạn loại dành cho đối tượng Khách hàng bán lẻ bằng lãi suất huy động VND cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng (+) biên độ 4,8% nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay trung dài hạn VND theo quy định Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong từng thời kỳ.

Lãi suất cho vay này được điều chỉnh theo thông báo lãi suất tiết kiệm 12 tháng lãi trả sau của Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tiền Giang trong từng thời kỳ.

Hình thức bảo đảm : Khoản vay được đảm bảo bằng: Xe tải Hino biển số 63C – 165.32 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0006/VCB-GC/TC21 ký ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công (xem thuyết minh số V.5);

^(*.2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0011/VCB-GC/22CD ngày 13/01/2022. Chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng : 1.250.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng : Vay mua xe ô tô tải cầu có rỗ nâng người làm việc trên cao phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn cấp hạn mức : 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;
- Lãi suất cho vay : Áp dụng lãi suất cho vay trung dài hạn loại dành cho đối tượng Khách hàng bán lẻ bằng lãi suất huy động VND cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng (+) biên độ 5,0% nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay trung dài hạn VND theo quy định Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong từng thời kỳ.

Lãi suất cho vay này được điều chỉnh theo thông báo lãi suất tiết kiệm 12 tháng lãi trả sau của Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tiền Giang trong từng thời kỳ.

Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Hình thức bảo đảm : Khoản vay được đảm bảo bằng: Xe tải Hino biển số 63C – 171.68 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0001/VCB-GC/TC22 năm

3128
CÔNG
HÀNH
TOÁN
IUAI
TP.

2022 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công (xem thuyết minh số V.5);

(*3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0089/VCB-GC/24CD ngày 24/06/2024. Chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng : 1.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng : Vay mua Xe ô tô quét đường hiệu ISUZU 63CD-001.02;
- Thời hạn cấp hạn mức : 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;
- Lãi suất cho vay : Áp dụng lãi suất 8,0%/năm cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định: lãi suất cho vay = lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ áp dụng cho Khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng (+) biên độ 3,5% nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng.

- Hình thức bảo đảm : Khoản vay được đảm bảo bằng: Xe ô tô quét đường hiệu ISUZU 63CD-001.02 theo Hợp đồng thế chấp Phương tiện vận tải số 0059/VCB-GC/TC24 ngày 24 tháng 06 năm 2024 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gò Công (xem thuyết minh số V.5);

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay và nợ tài chính phải trả các tổ chức, cá nhân khác	1.187.460.000	1.000.000.000	(533.350.000)	1.654.110.000
Vay dài hạn ngân hàng	1.187.460.000	1.000.000.000	(533.350.000)	1.654.110.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vũng Tàu	1.187.460.000	1.000.000.000	(533.350.000)	1.654.110.000
Cộng	1.187.460.000	1.000.000.000	(533.350.000)	1.654.110.000

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	6.450.000.000	(58.600.000)	788.442.490	(1.231.907.603)	5.947.934.887
-Tăng trong năm trước	-	-	251.740.239	4.017.416.739	4.269.156.978
-Giảm trong năm trước	-	-	-	(1.258.701.197)	(1.258.701.197)
Số dư cuối năm trước	6.450.000.000	(58.600.000)	1.040.182.729	1.526.807.939	8.958.390.668
Số dư đầu năm nay	6.450.000.000	(58.600.000)	1.040.182.729	1.526.807.939	8.958.390.668
-Tăng trong năm nay	-	-	725.225.022	3.983.074.547	4.708.299.569
-Giảm trong năm nay	-	-	-	(2.417.416.740)	(2.417.416.740)
Số dư cuối năm nay	6.450.000.000	(58.600.000)	1.765.407.751	3.092.465.746	11.249.273.497

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND/USD)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND/USD)
	VND/USD	Tỷ lệ (%)		
UBND tỉnh Tiền Giang	3.289.500.000	51,00%	3.289.500.000	-
Ông Bùi Quang Hải	340.000.000	5,27%	340.000.000	-
Ông Võ Đức Phong	330.000.000	5,12%	330.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Quốc	100.000.000	1,55%	100.000.000	-
Các cổ đông khác	2.390.500.000	37,06%	2.390.500.000	-
Cộng	6.450.000.000	100,00%	6.450.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	6.450.000.000	6.450.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	6.450.000.000	6.450.000.000
- Phân phối lợi nhuận(*)	2.417.416.740	1.258.701.197
+ Chia cổ tức cho cổ đông (12%)	765.480.000	637.900.000
+ Trích quỹ khen thưởng	410.960.846	188.805.180
+ Trích quỹ phúc lợi	274.009.198	104.733.706
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	241.741.674	75.522.072
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	725.225.022	251.740.239
- Cổ tức, lợi nhuận thực tế đã chi	765.480.000	637.900.000

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2024.

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	645.000	645.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	645.000	645.000
Cổ phiếu phổ thông	645.000	645.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	645.000	645.000
Cổ phiếu phổ thông	645.000	645.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	1.765.407.751	1.040.182.729
Cộng	1.765.407.751	1.040.182.729

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm :

Doanh thu dịch vụ công ích

Cộng

Năm nay	Năm trước
25.934.591.151	25.142.146.184
25.934.591.151	25.142.146.184

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm :

Giá vốn dịch vụ công ích

Cộng

Năm nay	Năm trước
17.139.966.665	17.087.307.253
17.139.966.665	17.087.307.253

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm :

Chi phí lãi vay

Cộng

Năm nay	Năm trước
129.565.262	192.680.441
129.565.262	192.680.441

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm :

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dự phòng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.330.923.107	1.966.055.947
152.317.094	74.068.481
-	9.524.928
124.107.842	114.054.744
-	207.788.000
182.800.183	58.686.649
505.559.855	403.417.148
3.295.708.081	2.833.595.897

6. Thu nhập khác

Chi tiết gồm :

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Thu khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
71.611.111	-
7.794.182	84.233.083
79.405.293	84.233.083

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Chi phí khác

Chi tiết gồm :

Chi phí nộp chậm, phạt thuế

Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
91.323.268	4.262.345
12.798.825	53.820.026
104.122.093	58.082.371

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

Các khoản điều chỉnh tăng

- Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

- Chênh lệch Khấu hao giữa thời gian của thuế và kế toán

Các khoản điều chỉnh giảm

Thu nhập chịu thuế

Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ

Thu nhập tính thuế

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN phải nộp bổ sung của năm trước

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Năm nay	Năm trước
5.349.321.329	5.058.442.780
149.076.201	113.960.155
96.992.868	113.960.155
52.083.333	-
-	-
5.498.397.530	5.172.402.935
-	-
5.498.397.530	5.172.402.935
20%	20%
1.099.679.506	1.034.480.587
276.983.943	6.545.454
1.376.663.449	1.041.026.041

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do có sự chênh lệch tạm thời về thời gian khấu hao tài sản cố định giữa kế toán và theo quy định của thuế.

Năm nay	Năm trước
-	-
(10.416.667)	-
(10.416.667)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.983.074.547	4.017.416.739
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(926.711.718)	(369.060.958)
+ Trích quỹ KT-PL và thưởng Ban điều hành	(926.711.718)	(369.060.958)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.056.362.829	3.648.355.781
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	645.000	645.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.739	5.656

(*) Công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2024 để thực hiện trích số Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2024.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.056.362.829	3.648.355.781
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.056.362.829	3.648.355.781
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	645.000	645.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.739	5.656

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm :	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.407.789.783	3.561.263.573
Chi phí nhân công	13.023.230.996	12.571.766.538
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.334.250.419	1.171.239.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.648.791.712	1.545.038.786
Chi phí khác	1.021.611.836	1.034.595.155
Cộng	20.435.674.746	19.883.903.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Không phát sinh.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Không phát sinh.

3. Lợi nhuận trước thuế

Chi tiết gồm :

Lợi nhuận trước thuế

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	5.349.321.329	5.058.442.780
Cộng	5.349.321.329	5.058.442.780

4. Khấu hao tài sản cố định

Là khấu hao Tài sản cố định hữu hình.

5. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn và thu nhập từ hoạt động thanh lý Tài sản cố định.

6. Tiền thu từ đi vay

Chi tiết gồm :

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tiền Giang

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tiền Giang	1.000.000.000	-
Cộng	1.000.000.000	-

7. Tiền trả nợ gốc vay

Chi tiết gồm :

Trả nợ khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tiền Giang

Trả nợ khoản vay Quỹ phát triển tỉnh Tiền Giang

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Trả nợ khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tiền Giang	(533.350.000)	(300.000.000)
Trả nợ khoản vay Quỹ phát triển tỉnh Tiền Giang	-	(683.440.000)
Cộng	(533.350.000)	(983.440.000)

8. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

Chi tiết gồm :

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(747.525.000)	(637.900.000)
Cộng	(747.525.000)	(637.900.000)

175

3 TY

M HỮU

VÀ T

✓ VII

40 S

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Các giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	743.039.169	792.000.000
Tiền thù lao	140.800.000	106.080.000
Cộng	844.800.000	898.080.000

Chi tiết:

Tiền lương

	Năm nay	Năm trước
Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	230.525.642	259.200.000
Nguyễn Văn Quốc – Giám đốc (từ tháng 01 đến 31/10/2024)	172.896.043	302.400.000
Võ Thanh Liêm – Quyền Giám đốc (từ tháng 09/2024)	142.023.042	-
Phan Thị Cẩm Tú – Kế toán trưởng	197.594.442	230.400.000
Cộng	743.039.169	792.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, Phường 2, Thành Phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tiền thù lao	Năm nay	Năm trước
Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch HĐQT (từ tháng 11/2024)	18.000.000	21.600.000
Nguyễn Hữu Khiết – Thành viên HĐQT (từ tháng 11/2024)	13.600.000	12.000.000
Võ Thanh Liêm – Thành viên HĐQT (từ tháng 11/2024)	3.600.000	-
Võ Thị Kiều Oanh – Chủ tịch HĐQT (từ tháng 01 đến 31/10/2024)	49.200.000	21.600.000
Nguyễn Văn Quốc – Trưởng Ban Kiểm soát (từ tháng 11/2024)	28.000.000	21.600.000
Trần Thanh Nhân – Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 11/2024)	2.000.000	-
Võ Đức Độ – Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 11/2024)	2.000.000	-
Lê Thị Huỳnh Hoa – Trưởng Ban Kiểm soát (từ tháng 01 đến 31/10/2024)	14.400.000	17.280.000
Lê Minh Quân – Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 01 đến 31/10/2024)	10.000.000	12.000.000
Cộng	140.800.000	106.080.000

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích chiếm tỷ trọng chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200421913 lần thứ 13 vào ngày 12 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp với mục đích thay đổi thông tin số điện thoại công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu**NGUYỄN THỊ TÚ ANH****Kế toán trưởng****PHAN THỊ CẨM TÚ****Chủ tịch Hội đồng Quản trị****THÁI BÌNH GIA LÂM**